

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6- 2017

V/v tranh chấp: "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H. Trú tại: thôn Bưởi R, xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Võ Văn D. Trú tại: Thôn Bưởi R, xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: vợ chồng chị và anh Võ Văn D có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/01/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với bên nhà bố mẹ đẻ của anh D tại thôn Bưởi R, xã Quảng H, huyện Quảng T, thời gian đầu cuộc sống vợ

chồng hạnh phúc và hòa thuận. Đến tháng 01/2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D ham chơi, thường tụ tập bạn bè đánh bài, ăn nhậu dẫn đến thiếu nợ người khác, nhiều lần chị H đã khuyên bảo nhưng anh D vẫn không nghe, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, sau đó anh D bỏ đi làm ăn không có trách nhiệm đối với con cái, gia đình và vợ chồng cũng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị cũng đã nhiều lần gọi điện để khuyên nhủ, động viên anh D về để vợ chồng chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy các con, nhưng anh D không những không đồng ý mà còn cố tình trốn tránh, dấu địa chỉ. Vì vậy chị thấy việc chờ đợi của chị không có kết quả, tình cảm chị dành cho anh D cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị mong muốn được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống riêng của mình.

Quá trình chung sống chị và anh D có với nhau hai đứa con chung, cháu đầu tên là Võ Ngọc H, sinh ngày 10/12/2006, cháu thứ hai Võ Duy L, sinh ngày 20/4/2014. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn muốn được trực tiếp nuôi dưỡng. Về trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị có yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến, không yêu cầu anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng với chị. Vì từ khi chị và anh D sống ly thân anh D cũng không có trách nhiệm đối với các con, hơn nữa hiện tại anh D chỉ liên lạc với người thân của anh qua điện thoại nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể, nên việc yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con cũng không thực hiện được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày, sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố, mẹ chồng, nên không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến quá trình xét xử. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ tình cảm: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh D. Về quan hệ con chung: áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Giao hai con chung của chị H và anh D cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của chị H không buộc anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho anh D các văn bản tố tụng qua UBND xã Quảng H nơi anh D cư trú, gồm: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh D không có mặt. Do đó Tòa án đã tiến hành xác minh, về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như lý do anh D

không có mặt tại Tòa án, kết quả cho thấy sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã cử cán bộ giao đầy đủ cho gia đình anh D, mà cụ thể anh Võ Hoài B (anh trai của anh D) là người trực tiếp nhận, anh B cũng cho biết sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã điện thoại báo cho anh D biết và khuyên nhủ anh D về giải quyết việc ly hôn theo đơn yêu cầu của chị H nhưng anh D vẫn cố tình trốn tránh. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Ch (mẹ anh D) và chị Võ Thị C (chị gái anh D) cũng cho biết: anh D đi làm ăn, thỉnh thoảng điện thoại về thăm hỏi người thân trong gia đình, sau khi biết được việc chị H làm đơn ly hôn, gia đình đã liên lạc và trao đổi nhiều lần, khuyên nhủ anh D về đề giải quyết việc ly hôn, nhưng anh D bảo không về, hỏi địa chỉ thì anh không cho biết cụ thể. Phía Ban công an xã Quảng H cũng xác nhận anh Võ Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Quảng H và chưa lần nào làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu cũng như đăng ký tạm vắng đi khỏi địa phương. Do vụ án không thể tiến hành hòa giải được, nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử vào ngày 31/5/2017, tại phiên tòa anh Võ Văn D vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành thủ tục niêm yết quyết định hoãn phiên tòa cũng như giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi khởi kiện, đến thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã Quảng H, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D. Mặc dù anh D không trực tiếp nhận nhưng đã được gia đình thông báo nhưng anh D vẫn không có mặt tại tòa án và cố tình giấu địa chỉ. Do vậy việc Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Việc anh D vắng mặt tại phiên tòa hôm nay được xác định là không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Nên, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Võ Văn D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: chị H và anh D đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng H, huyện Quảng T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/01/2007, vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Theo chị H, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do không giải quyết được nên đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Kết quả xác minh phía gia đình của anh D cũng thống nhất thừa nhận về cuộc sống của vợ chồng anh D, chị H như chị H đã trình bày, trong thời gian sống ly thân, anh D không có trách nhiệm và nghĩa vụ gì đối với các con chung của vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng

giữa chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên việc chị H làm đơn xin được ly hôn anh Võ Văn D là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xét xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn đối với anh Võ Văn D.

[2] Về quan hệ con chung: Xét thấy các con chung của vợ chồng là Võ Ngọc H và Võ Duy L, hiện tại đang còn nhỏ, từ nhỏ được chị H chăm sóc nuôi dưỡng, thời gian rất lâu anh D không có trách nhiệm với các con. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao các con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị H đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các con. Xét thấy ý kiến của chị H tại phiên tòa về việc không yêu cầu anh D phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị H khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị Bùi Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Xét xử vắng mặt anh Võ Văn D.

1. Về quan hệ tình cảm: Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Võ Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: giao các con chung Võ Ngọc H, sinh ngày 10/12/2006 và Võ Duy L, sinh ngày 20/4/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: buộc chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0002208 ngày 16/02/2016. Chị H phải nộp tiếp số tiền 100.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Hợp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Tình

